



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

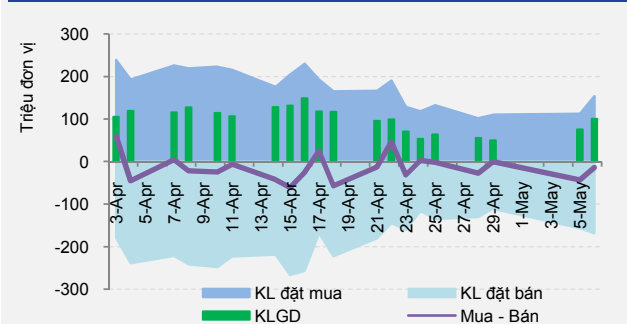
Phiên giao dịch ngày:

6/5/2014

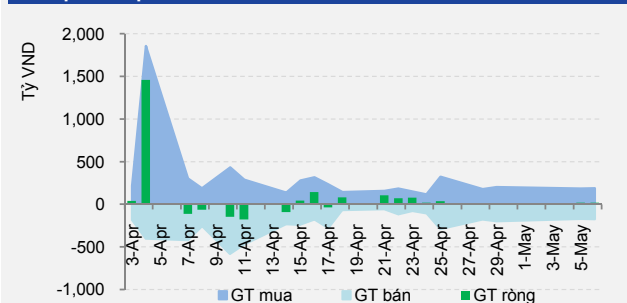
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	555.1	76.6
% Thay đổi	↓ -1.7%	↓ -1.0%
KLGD (CP)	100,641,650	82,875,424
GTGD (tỷ đồng)	1,627.10	755.22
Tổng cung (CP)	167,975,720	95,859,400
Tổng cầu (CP)	153,973,210	104,076,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,822,080	497,807
KL mua (CP)	5,293,600	1,410,700
GTmua (tỷ đồng)	190.14	20.32
GT bán (tỷ đồng)	172.51	7.00
GT ròng (tỷ đồng)	17.63	13.32

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.50%	11.6	2.2	5.5%
Công nghiệp	↓ -1.82%	29.3	1.2	14.6%
Dầu khí	↓ -1.60%	7.2	2.0	4.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.35%	19.0	1.9	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.74%	12.8	3.2	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.64%	14.1	4.8	9.0%
Ngân hàng	↓ -1.77%	9.4	1.2	9.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.18%	11.7	2.1	7.3%
Tài chính	↓ -1.70%	12.4	2.2	39.2%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -1.50%	13.4	5.1	7.2%
VN - Index	↓ -1.72%	14.0	3.2	68.3%
HNX - Index	↓ -1.05%	17.3	1.6	31.7%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	723,940	1.0%	152,020	0.2%
GTGD (tỷ VND)	20,696	1.6%	7,093	0.5%

PHẢN ỨNG VỚI MỐC HỖ TRỢ KỸ THUẬT - THỊ TRƯỜNG PHỤC HỒI CUỐI PHIÊN - DÒNG TIỀN TẬP TRUNG VÀO NHÓM CỔ PHIẾU THANH KHOẢN CAO ĐÃ GIẢM SÂU

Nhận định: Lực mua tăng mạnh khi VN-Index giảm qua ngưỡng hỗ trợ 550 điểm, HNX-Index giảm qua ngưỡng hỗ trợ 75 điểm, tương đương mức thoái 50% của dải Fibonacci. Dòng tiền tập trung tại nhóm cổ phiếu beta cao đã giảm điểm sâu như SSI, PVX, từ đó lan sang thị trường chung. Thị trường đóng cửa phục hồi đáng kể so với mức thấp nhất, VN-Index tăng lên mốc 555 điểm, gần tương đương mức thấp nhất đã thiết lập vào ngày 22/4. Khối lượng khớp lệnh thấp khi thị trường giảm, tăng lên khi thị trường tăng cho tín hiệu bước đầu tích cực của lực cầu bất đáy. Tuy nhiên xét chung toàn thị trường, quan điểm thận trọng còn phổ biến.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng từ đầu năm. Hai chỉ số Index có thể bật lên từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật trong một vài phiên giao dịch tới. Thanh khoản vẫn là yếu tố quan trọng để đánh giá động lực thị trường. Trong trường hợp KLGD duy trì ở mức thấp, khả năng phục hồi kỹ thuật khó kéo dài. Nếu ngưỡng hỗ trợ 550 điểm đối với VN-Index, 75 điểm đối với HNX-Index bị phá vỡ, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của hai chỉ số lần lượt là khoảng 530 điểm và 73 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI, chưa nóng vội tham gia thị trường. Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục tích lũy cổ phiếu khi thị trường yếu.

- Chỉ số VN-Index giảm 9.74 điểm (1.72%), xuống 555.11 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 545.97 điểm.

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.82 điểm (1.06%), xuống 76.55 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 74.41 điểm.

- Sau kỳ nghỉ, lãi suất liên ngân hàng tăng lên ở tất cả các kỳ hạn, đặc biệt là các kỳ hạn dưới 1 tháng. Cụ thể, lãi suất qua đêm tăng 1,37%, kỳ hạn 1 tuần tăng 1,5%, kỳ hạn 1 tháng tăng 1.12% so với trước ngày nghỉ lễ. Nguyên nhân do kỳ nghỉ lễ dài ngày trước đó khiến Ngân hàng giảm khoản vay trên thị trường 2, và nhu cầu vốn tăng lên mang tính chu kỳ vào thời điểm đầu tháng, khi hệ thống Ngân hàng cần đảm bảo khoản dự trữ bắt buộc. Mức lãi suất này chưa thể hiện tình trạng căng thẳng thanh khoản của hệ thống.

- Trong tháng Tư, hơn 13.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ được huy động qua kênh đấu thầu. Con số này bằng 37% trị giá huy động trong tháng Ba và bằng 50% giá trị huy động tháng Hai. Lãi suất huy động trái phiếu trong tháng Tư tiếp tục giảm ở các kỳ hạn, tính chung giảm khoảng 0,4% so với một tháng trước đó. Lãi suất kỳ hạn 2 năm dao động 5,58-5,69%, kỳ hạn 3 năm là 6,07-6,9%, kỳ hạn 5-10 năm trong khoảng 7,12-8,7%.

- Nguyên nhân chính khiến trị giá trái phiếu huy động trong tháng vừa qua giảm mạnh do 1/ lãi suất huy động tiếp tục giảm, tiệm cận với mức kỳ vọng; 2/ dòng tiền của hệ thống Ngân hàng đang quan tâm hơn đến tín phiếu NHNN kỳ hạn ngắn. Tính đến ngày 5/5, còn 193.915 tỷ tín phiếu NHNN chưa đáo hạn, cao hơn nhiều giá trị tín phiếu duy trì đầu năm 2014.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 9.74 điểm (1.72%), xuống 555.11 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 545.97 điểm.

- KLGD tăng 33% so với phiên giao dịch trước, lên 98 triệu đơn vị, tương đương mức trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 36, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. MACD 9 ngày nở rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Lực mua tăng mạnh khi thị trường giảm qua ngưỡng hỗ trợ 550 điểm, tương đương mức thoái 50% của dải Fibonacci. Thị trường đóng cửa tăng lên mốc 555 điểm, gần tương đương mức đáy gần nhất đã thiết lập, phục hồi đáng kể so với mức thấp nhất. Khối lượng khớp lệnh thấp khi thị trường giảm, tăng lên khi thị trường tăng cho tín hiệu bước đầu tích cực của lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên xét chung toàn thị trường, quan điểm thận trọng còn phổ biến.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng từ đầu năm. Chỉ số VN-Index có thể bật lên từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật +/-550 điểm trong một vài phiên giao dịch tới. Thanh khoản vẫn là yếu tố quan trọng để đánh giá động lực thị trường. Trong trường hợp KLGD duy trì ở mức thấp, khả năng phục hồi kỹ thuật khó kéo dài. Nếu giảm qua ngưỡng hỗ trợ 550 điểm, ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của VN-Index là khoảng 530 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI, chưa nóng vội tham gia thị trường. Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục tích lũy cổ phiếu khi thị trường yếu.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.82 điểm (1.06%), xuống 76.55 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 74.41 điểm.

- KLGD tăng 60% so với phiên giao dịch trước, lên 78 triệu đơn vị, cao hơn mức trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 30, sát ngưỡng quá bán. MACD 9 ngày tiếp tục nở rộng khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Lực mua tăng mạnh khi thị trường giảm qua ngưỡng hỗ trợ 75 điểm, tương đương mức thoái 50% của dải Fibonacci. Thị trường đóng cửa phục hồi đáng kể so với mức thấp nhất. Khối lượng khớp lệnh thấp khi thị trường giảm, tăng lên khi thị trường tăng cho tín hiệu bước đầu tích cực của lực cầu bắt đáy. Tuy nhiên xét chung toàn thị trường, quan điểm thận trọng còn phổ biến.

Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng từ đầu năm. Chỉ số HNX-Index có thể bật lên từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật +/-75 điểm trong một vài phiên giao dịch tới. Thanh khoản vẫn là yếu tố quan trọng để đánh giá động lực thị trường. Trong trường hợp KLGD duy trì ở mức thấp, khả năng phục hồi kỹ thuật khó kéo dài. Nếu giảm qua ngưỡng hỗ trợ 75 điểm, ngưỡng hỗ trợ khá mạnh của HNX-Index là khoảng 73 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI, chưa nóng vội tham gia thị trường. Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục tích lũy cổ phiếu khi thị trường yếu.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,839	21,039	16.97	6.32	39.55	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.75	2.24	24.96	44.33
3	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	5,644	24,595	5.94	1.36	23.41	24.07
4	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.35	1.31	19.28	23.79
5	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.83	2.12	33.45	12.61
6	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	10.94	1.59	15.36	49.00
7	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56
8	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
9	DRC	HOSE	678.0	11.5%	85.75	9.7%	4,609	17,641	9.31	2.43	28.77	28.61
10	CSM	HOSE	684.3	-2.5%	78.52	14.4%	5,506	19,274	6.94	1.98	31.24	14.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.90	1.19	33.22	11.62
2	NAG	HNX	62.7	103.7%	4	1479.3%	358	9,498	18.18	0.68	3.83	0.79
3	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	22.07	0.68	3.14	0.25
4	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	11.40	1.00	9.38	4.45
5	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.72	0.89	5.15	0.01
6	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	16.90	0.63	3.83	12.87
7	APS	HNX	12.0	110.4%	7.19	432.6%	435	8,808	12.89	0.64	5.07	16.81
8	AGR	HOSE	81.0	-35.0%	58.06	408.0%	314	10,813	20.35	0.59	2.96	0.25
9	HDO	HNX	27.6	-10.1%	0.1	400.0%	(1,952)	9,734	(2.05)	0.41	(19.91)	15.55
10	BSI	HOSE	72.0	87.7%	10.25	325.3%	265	8,124	21.47	0.70	3.32	0.56

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

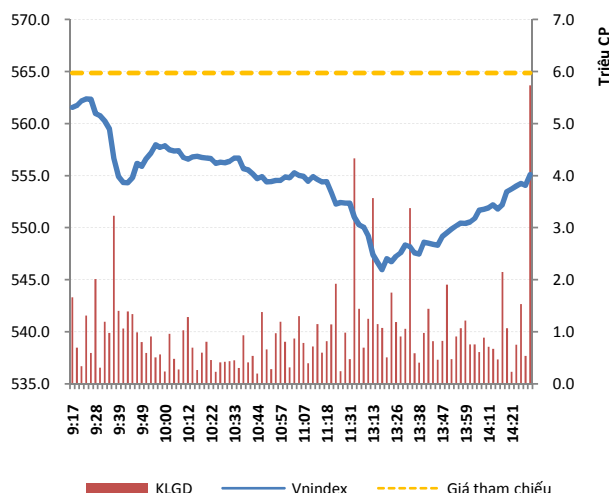
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	21.02	0.63	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(36.18)	0.37	(1.04)	0.13
3	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	125.58	0.42	0.33	0.63
4	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	20.63	0.37	1.77	2.96
5	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	41.90	1.26	4.74	0.15
6	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
7	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.86)	0.47	(45.13)	0.01
8	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	8.99	1.46	16.06	11.30
9	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.46	0.85	11.93	0.16
10	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56

Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

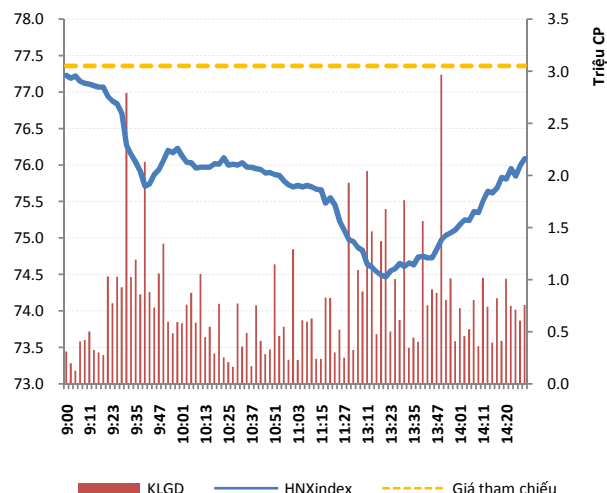
Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 05/05/2014

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

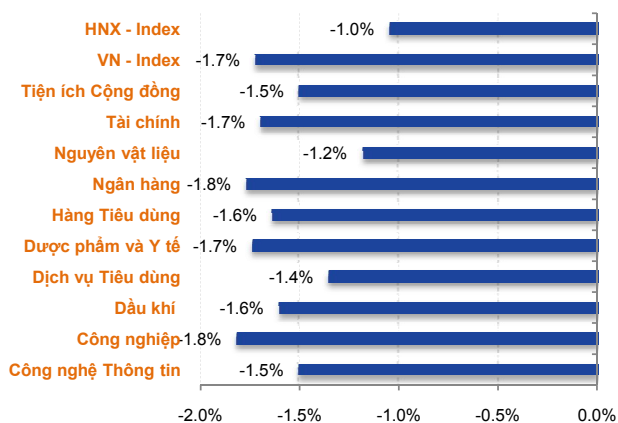
KLGD và VN-Index trong phiên



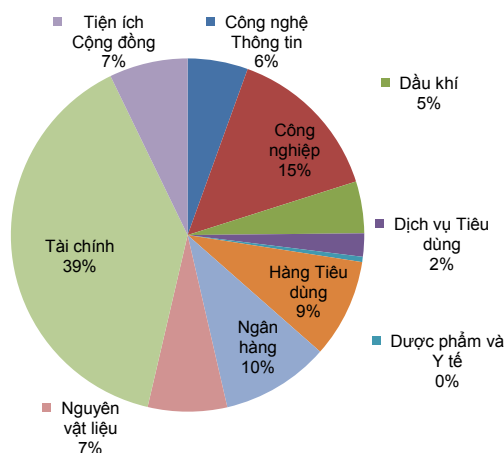
KLGD và HNX-Index trong phiên



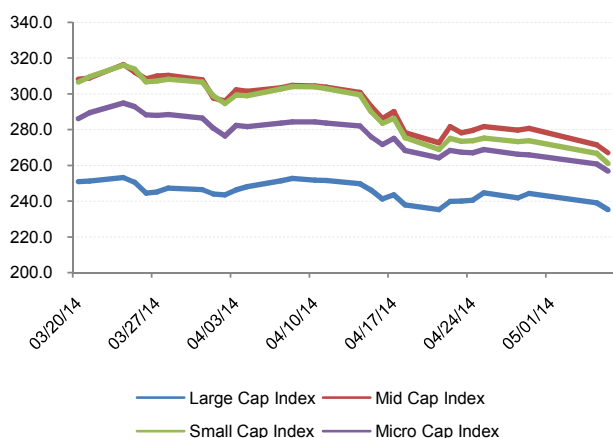
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



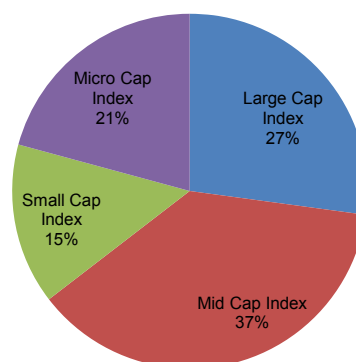
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	635,700	CNG	899,100
2	PVT	460,500	HAG	555,990
3	GAS	363,120	DXG	457,440
4	CTG	349,260	KBC	348,780
5	FCN	266,890	VIC	240,250

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVX	319,400	SCR	124,000
2	PVS	275,200	VCG	55,450
3	AAA	200,000	KHL	33,700
4	SDH	136,900	SHB	13,200
5	SHS	53,200	INN	11,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.1	8.0	↓ -1.23%	6,885,290
FLC	10.2	9.7	↓ -4.90%	5,865,780
SSI	25.0	24.5	↓ -2.00%	5,527,320
HAG	25.1	24.6	↓ -1.99%	4,323,980
HQC	6.6	6.5	↓ -1.52%	3,665,950

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.9	8.8	↓ -1.12%	17,894,400
PVX	4.7	4.9	↑ 4.26%	11,284,300
SCR	8.3	8.3	→ 0.00%	7,345,500
KLS	10.9	10.6	↓ -2.75%	6,093,100
SHS	9.0	8.6	↓ -4.44%	4,029,200

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	17.2	18.4	1.2	↑ 6.98%
BMC	30.2	32.3	2.1	↑ 6.95%
CLP	3.1	3.3	0.2	↑ 6.45%
KAC	14.1	15.0	0.9	↑ 6.38%
ASIAGF	8.0	8.5	0.5	↑ 6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
TH1	28.0	30.8	2.8	↑ 10.00%
S12	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
CAN	29.7	32.6	2.9	↑ 9.76%
PIV	4.1	4.5	0.4	↑ 9.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.4	1.3	-0.1	↓ -7.14%
TMS	34.4	32.0	-2.4	↓ -6.98%
RDP	14.4	13.4	-1.0	↓ -6.94%
ASM	10.1	9.4	-0.7	↓ -6.93%
TV1	14.5	13.5	-1.0	↓ -6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNP	18.0	16.2	-1.8	↓ -10.00%
VTL	15.0	13.5	-1.5	↓ -10.00%
BKC	14.0	12.6	-1.4	↓ -10.00%
TET	20.1	18.1	-2.0	↓ -9.95%
DPC	13.2	11.9	-1.3	↓ -9.85%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,885,290	1.3%	138	57.8	0.7
FLC	5,865,780	8.1%	1,051	9.2	0.6
SSI	5,527,320	8.0%	1,193	20.5	1.7
HAG	4,323,980	7.5%	1,287	19.1	1.4
HQC	3,665,950	3.0%	320	20.3	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	17,894,400	8.6%	958	9.2	0.8
PVX	11,284,300	-82.6%	(4,057)	-	1.8
SCR	7,345,500	0.4%	53	156.6	0.6
KLS	6,093,100	7.1%	948	11.2	0.8
SHS	4,029,200	9.4%	754	11.4	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDW	↑ 7.0%	17.8%	2,677	6.9	1.1
BMC	↑ 7.0%	28.5%	5,116	6.3	1.9
CLP	↑ 6.5%	-94.5%	(9,906)	(0.3)	0.6
KAC	↑ 6.4%	0.7%	91	165.0	1.2
ASIAGF	↑ 6.3%	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	9.2	7.6
TH1	↑ 10.0%	2.4%	606	50.8	1.2
S12	↑ 10.0%	0.2%	29	191.3	0.4
CAN	↑ 9.8%	12.2%	2,547	12.8	1.5
PIV	↑ 9.8%	0.2%	21	219.3	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	635,700	1.3%	138	57.8	0.7
PVT	460,500	8.9%	1,029	12.9	1.1
GAS	363,120	40.6%	6,484	15.1	5.6
CTG	349,260	13.2%	1,818	8.5	1.1
FCN	266,890	20.9%	3,217	7.1	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	319,400	-82.6%	(4,057)	-	1.8
PVS	275,200	19.3%	3,403	7.3	1.3
AAA	200,000	10.3%	2,775	6.6	0.7
SDH	136,900	0.6%	45	129.4	0.7
SHS	53,200	9.4%	754	11.4	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	185,710	40.6%	6,484	15.1	5.6
VNM	110,848	36.4%	7,667	17.3	5.9
MSN	67,244	3.2%	642	142.5	4.7
VCB	61,412	10.4%	1,881	14.1	1.4
CTG	57,713	13.2%	1,818	8.5	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,829	6.6%	900	18.1	1.2
PVS	11,168	19.3%	3,403	7.3	1.3
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	7,798	8.6%	958	9.2	0.8
VCG	5,433	9.1%	1,123	11.0	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HLA	2.31	-164.0%	(13,070)	-	1.0
DRH	2.24	-0.8%	(79)	-	0.3
MDG	2.17	1.0%	180	31.6	0.3
GTT	2.17	0.2%	23	229.7	0.5
HCM	2.06	15.4%	2,688	10.9	1.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S12	3.92	0.2%	29	191.3	0.4
PVA	3.55	-40.5%	(1,619)	-	0.8
HHL	3.42	-147.2%	(1,163)	-	1.5
PSG	3.26	0.0%	(6,358)	-	-
SDB	3.06	-75.9%	(3,347)	-	0.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)